TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/5/2024
V/v ly hôn, tranh chấp
Nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị L trình bày: Chị L và anh Trần Văn N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị L có 03 con chung gồm: cháu Trần Thị Bảo N1 (nữ), sinh ngày 23/09/2012; cháu Trần Phú Q (nam), sinh ngày 09/06/2016; cháu Trần Phú H (nam), sinh ngày 20/03/2019. Hiện cả 03 cháu đang sống cùng chị L và anh N. Những năm tháng đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng được thời gian cả hai bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng mâu thuẫn không ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nay nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N. Về con chung: Chị L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giao cháu Trần Phú H (nam), sinh ngày 20/03/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Trần Văn N thực hiên cấp dưỡng nuôi con. Về phần cháu Trần Thị Bảo N1 (nữ), sinh ngày 23/09/2012 và cháu Trần Phú Q (nam), sinh ngày 09/06/2016 đều đã trên 07 tuổi, có đủ nhận thức. Chị L tôn trọng ý kiến của các cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì cho người đó nuôi dưỡng; nếu các cháu muốn sống với chị L thì chị không yêu cầu anh N thực hiện cấp dưỡng nuôi con, còn nếu các cháu muốn sống với anh N thì chị L cũng không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời anh N cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh Trần Văn N, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, chị Kim Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/10/2023 chị Kim Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn N có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị L, nhận thấy chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2011. Quan hệ hôn nhân của chị L và anh N không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên

được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị L nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên có nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị L và anh N có 03 con chung là cháu Trần Thị Bảo N1 (nữ), sinh ngày 23/09/2012; cháu Trần Phú Q (nam), sinh ngày 09/06/2016; cháu Trần Phú H (nam), sinh ngày 20/03/2019 hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Phú H, đối với cháu Trần Thị Bảo N1 và Trần Phú Q tùy nguyện vọng của cháu N1, cháu Q muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến trình bày của các cháu N1, Q nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau các cháu N1, Q có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu N1, Q, H không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Trần Thị Bảo N1 (nữ), sinh ngày 23/09/2012; cháu Trần Phú Q (nam), sinh ngày 09/06/2016; cháu Trần Phú H (nam), sinh ngày 20/03/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu N1, Q, H đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị L khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị L đối với bị đơn anh Trần Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Giao con chung cháu Trần Thị Bảo N1 (nữ), sinh ngày 23/09/2012; cháu Trần Phú Q (nam), sinh ngày 09/06/2016; cháu Trần Phú H (nam), sinh ngày 20/03/2019 cho chị Kim Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu N1, Q, H đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Thị Bảo N1; cháu Trần Phú Q (nam); cháu Trần Phú H của chị Kim Thị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị L khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003059, ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị L đã thực hiện xong. Anh Trần Văn N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã Lạc Hòa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng